

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/7/2021.

Về việc: “T/c về Ly hôn; Nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Huy Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Dân;

2. Bà Trần Thị Quế Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

Không tham gia.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 132/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022; Về việc “*Tranh chấp về Ly hôn; Nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị T (Chọn), sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Tổ 17, ấp V, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Tổ 17, ấp V, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

(Vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn N; Đã tổng đạt hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị T và lời khai tại phiên tòa có nội dung như sau: Chị Phan Thị T sống chung với anh Nguyễn Văn N từ năm 2005, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V (giấy đăng ký kết hôn số 59 ngày 13/6/2016). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong tình cảm vợ chồng, thường xuyên hay cãi nhau và không còn tôn trọng nhau, mặc dù đã rất nhiều lần hàn gắn và tạo cơ hội cho anh N sửa đổi nhưng không kết quả và đã sống ly thân. Vợ chồng chung sống

có 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ sinh ngày 16/10/2006 và Nguyễn Đăng K sinh ngày 24/4/2016, hiện tại các con đang sống chung với chị T.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Phan Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N; Về con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản thì tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* *Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn N thì:* Tòa án đã nhiều lần gửi Thông báo đến gia đình nhằm tạo điều kiện hoà giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người nhưng đều vắng mặt không lý do. Qua chứng cứ thu thập được thì anh Nguyễn Văn N có nơi cư trú tại tổ 7, ấp V, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; Hiện tại anh Nguyễn Văn N không thường xuyên có mặt tại địa phương nhưng không cung cấp nơi làm việc hoặc địa chỉ mới nên Tòa án đã thông qua Thừa phát lại thực hiện các thủ tục tố tụng để mở phiên tòa xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận xét như sau:

[1] *Về tố tụng:* Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về xin ly hôn và nuôi con chung, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phan Thị T đã thừa nhận có sống chung như vợ chồng với anh Nguyễn Văn N từ năm 2005 nhưng đến năm 2016 đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; Nay do mâu thuẫn vợ chồng trầm T, cuộc sống chung không phù hợp nên chị T xin được ly hôn với anh N. Xét thấy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh N đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, Tòa án nhiều lần mời anh Nguyễn Văn N để hòa giải cho anh, chị đoàn tụ nhưng anh N không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, vẫn không có mặt. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm T, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị T là được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

[3] *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng:* Chị Phan Thị T thừa nhận cháu Nguyễn Thành Đ sinh ngày 16/10/2006 và Nguyễn Đăng K sinh ngày 24/4/2016 là con chung của chị và anh Nguyễn Văn N, giấy khai sinh của các cháu cũng đã thể hiện

điều này, do đó cần công nhận cháu Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Đăng K là con chung của chị T và anh N, đồng thời phía chị Phan Thị T có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, từ khi anh và chị không còn sống chung nữa thì 02 cháu đã sống chung với chị T đến nay và nguyện vọng của cháu Đạt muốn sống chung với mẹ, đồng thời phía anh N cũng không tranh chấp; Do đó, để ổn định tâm lý và cuộc sống cho các cháu nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị T là được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Đăng K. Ngoài ra, phía chị Phan Thị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

[4] *Về quan hệ tài sản, nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về án phí, lệ phí sơ thẩm*: Do chị Phan Thị T có yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn N nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử*:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị T là được ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 59 ngày 13/6/2016 do Ủy ban nhân dân xã V (huyện C, An Giang) cấp không còn giá trị pháp lý.

* *Về quan hệ con cái, cấp dưỡng*: Công nhận các cháu Nguyễn Thành Đ sinh ngày 16/10/2006 và Nguyễn Đăng K sinh ngày 24/4/2016 là con chung của chị Phan Thị T và anh Nguyễn Văn N;

+ Giao cháu Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Đăng K cho chị Phan Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện 02 cháu Đ và K đang sống chung với chị T); Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Phan Thị T.

+ Chị Phan Thị T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

** Về quan hệ tài sản, nợ chung:* Tự thỏa thuận.

** Về án phí, lệ phí sơ thẩm:* Chị Phan Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0003024 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang; Được khấu trừ nên chị Phan Thị T đã nộp xong.

Báo cho đương sự có mặt tham dự phiên tòa biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án (có lý do khách quan) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang (1);
- VKSND H.Châu Thành (1);
- Chi cục THADS H.Châu Thành (1);
- UBND xã V (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa